

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 19-02-2025

V/v “*Tranh chấp chia tài sản
chung của vợ chồng sau khi ly
hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Ông **Nguyễn Ngọc Thái Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lưu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Bùi Thị Thanh Bạch** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và ngày 19 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2024/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “*Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn*”

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 269/2024/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 698/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở: 2 Khu V, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của anh **Nguyễn Văn Đ**: Anh **Bùi Ngọc T**, sinh năm 1983 (Có mặt),

Địa chỉ: 2 Khu V, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Chị **Lê Thị Thúy H**, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Văn Đ, Bị đơn Lê Thị Thúy H.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Văn Đ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị Thúy H có đăng ký kết hôn vào năm 2013. Quá trình chung sống giữa vợ chồng lúc đầu hạnh phúc về sau đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Chị H đến Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang làm thủ tục đơn phương ly hôn với anh Đ và được Tòa án nhân dân huyện Cái Bè ra bản án số 22/2023/HNGĐ –ST ngày 18/01/2023. Trong lúc chị H yêu cầu Tòa án chấm dứt hôn nhân nhưng chưa phân chia tài sản là căn nhà gắn liền với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 25, diện tích 95,4m² tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 07/9/2020. Kết cấu mái tole, nền gạch men, tường gạch tô xi măng, cột bê tông, gác lửng chất liệu gỗ. Anh Đ đã nhiều lần yêu cầu chị H giải quyết việc phân chia về tài sản nhưng chị H không đồng ý. Anh Đ yêu cầu Tòa án buộc chị H giao căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất cho anh sử dụng. Ngày 14/5/2024 anh Nguyễn Văn Đ có nộp Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện. Anh Đ yêu cầu Tòa án xác định căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 25, diện tích 95,4m² địa chỉ tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung giữa anh Đ và chị H. Anh Đ đồng ý giao cho chị H ngôi nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 25, diện tích 95,4m² địa chỉ tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Buộc chị H trả cho anh Đ ½ giá trị tài sản chung bằng tiền mặt (Việt Nam đồng) theo giá thị trường của ngôi nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 25, diện tích 95,4m² địa chỉ tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn chị Lê Thị Thúy H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống chị và anh Đ xảy ra nhiều mâu thuẫn với nhau nên chị đã về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2018, không còn chung sống hay qua lại gì với anh Đ từ năm 2018 đến nay. Chị nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Đ không còn khả năng hàn gắn nên đã nộp đơn ly hôn anh Đ và được Tòa án nhân dân huyện Cái Bè giải quyết cho chị và anh Đ ly hôn theo bản án hôn nhân gia đình số 22/2023/HNGĐ–ST ngày 18/01/2023. Chị xác định trong quá trình chung sống chị và anh Đ không có tài sản chung với nhau. Căn nhà cất trên thửa đất số 51, diện tích 95,4m² tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang mà anh Đ khởi kiện là tài sản riêng của chị có được lúc chị và anh Đ không còn chung sống với nhau do tự chị làm để dành tiền mua lại của vợ chồng chị ruột là Lê Thị Thanh T1 và anh Đặng Văn H1 vào năm 2020 và chị cũng được Sở Tài nguyên và Môi

trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với căn nhà mà anh Đ yêu cầu. Chị H xác định căn nhà cất trên thửa đất số 51, diện tích 95,4m² tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản riêng của chị nên chị không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của anh Đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:
Yêu cầu Tòa án xác định căn nhà và thửa đất số 51, tờ bản đồ số 25, diện tích 95,4m² địa chỉ tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung giữa anh Đ và chị H. Anh Đ đồng ý giao cho chị H căn nhà và thửa đất số 51, tờ bản đồ số 25, diện tích 95,4m² địa chỉ tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Buộc chị H trả cho anh Đ ½ giá trị tài sản chung bằng tiền mặt (Việt Nam đồng) theo giá thị trường của căn nhà và thửa đất số 51, tờ bản đồ số 25, diện tích 95,4m² địa chỉ tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn chị Lê Thị Thúy H có đơn xin vắng mặt.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 269/2024/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang vào các Điều 33, 62 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 92, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ.

Xác định căn nhà có diện tích 55,68m² và thửa đất số 51, tờ bản đồ số 25, diện tích 95,4m² tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang do chị Lê Thị Thúy H đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Sở T cấp ngày 07/9/2020 là tài sản chung giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị Thúy H.

Chia cho chị Lê Thị Thúy H căn nhà có diện tích 55,68m² và thửa đất số 51, tờ bản đồ số 25, diện tích 95,4m² tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang do chị Lê Thị Thúy H đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Sở T cấp ngày 07/9/2020 (Có bản vẽ kèm theo).

Buộc chị Lê Thị Thúy H có nghĩa vụ thời chia lại cho anh Nguyễn Văn Đ giá trị tài sản chung với số tiền 517.536.216 đồng.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Lê Thị Thúy H chậm thi hành đối với phần tiền nêu trên thì anh Nguyễn Văn Đ có

quyền yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 02 tháng 10 năm 2024, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Sửa bản án sơ thẩm số 269/2024/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Buộc bà Lê Thị Thúy H giao cho anh Đ $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung với số tiền là 646.920.270 đồng (Sáu trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm hai mươi ngàn hai trăm bảy mươi đồng).

Ngày 15 tháng 10 năm 2024, bị đơn chị Lê Thị Thúy H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn và bị đơn cùng giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng : Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo: Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm thì chị Lê Thị Thanh T1 và ông Đặng Văn H1 có cung cấp đơn yêu cầu trả nợ và giấy thỏa thuận trả tiền xuất phát từ việc mua bán căn nhà số E, tờ bản đồ số 25 diện tích 95,4m² , tài sản này hiện các bên đang tranh chấp. Xét thấy, đây là tình tiết mới phát sinh, chưa được cấp sơ thẩm xem xét giải quyết, Tòa án phúc thẩm không thể khắc phục được, đề nghị hội đồng xét xử tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm theo khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, kháng cáo của bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ “*Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn*” là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm thì nguyên đơn, bị đơn cùng kháng cáo bản án sơ thẩm và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị Thúy H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống chị và anh Đ xảy ra nhiều mâu thuẫn với nhau nên chị H đã nộp đơn ly hôn anh Đ. Tòa án nhân dân huyện Cái Bè giải quyết cho chị và anh Đ ly hôn theo bản án hôn nhân gia đình số 22/2023/HNGĐ-ST ngày 18/01/2023. Chị H xác định trong quá trình chung sống chị và anh Đ không có tài sản chung với nhau. Tại phiên tòa sơ thẩm về việc ly hôn theo bản án số 22/2023/HNGĐ-ST thì cả chị H và anh Đ cùng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Ngày 27/02/2024 anh Đ có đơn khởi kiện tranh chấp chia tài sản vợ chồng sau ly hôn. Tài sản tranh chấp là căn nhà có diện tích 55,68m² và thửa đất số 51, tờ bản đồ số 25, diện tích 95,4m² tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang do chị Lê Thị Thúy H đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Sở T cấp ngày 07/9/2020. Theo kết quả định giá của Tòa án sơ thẩm trị giá 1.293.840.540 đồng. Tòa án sơ thẩm đã xét xử cho chị H được chia 60% tài sản, chị H được nhận bằng hiện vật và chia anh Đ 40% trị giá tài sản. Chị H có nghĩa vụ thôi chia trị giá bằng tiền cho anh Đ. Sau khi xét xử sơ thẩm thì chị H và anh Đ cùng kháng cáo bản án. Anh Đ yêu cầu chia 50% giá trị tài sản là nhà và đất. Chị H kháng cáo cho rằng toàn bộ nhà đất nêu trên là tài sản riêng của chị H.

[3] Tài liệu thu thập có trong hồ sơ là bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 22/2023/HNGĐ-ST ngày 18/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè đang có hiệu lực pháp luật đã xét xử cho chị H được ly hôn với anh Đ.

- Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do bên chuyển nhượng Lê Thị Thanh T1 cùng chồng Đặng Văn H1, bên nhận chuyển nhượng Lê Thị Thúy H lập ngày 24/8/2020. Ngày 07/9/2020, chị H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 25, diện tích 95,4m² tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang, trên thửa đất này có căn nhà chị H đang quản lý sử dụng. Tài sản tranh chấp là căn nhà có diện tích 55,68m² xây dựng trên thửa đất số 51, tờ bản đồ số 25, diện tích 95,4m² có giá trị tổng cộng là 1.293.840.540 đồng. Anh Đ cho rằng đây là tài sản chung vợ chồng, anh Đ đòi chia $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và đất. Chị H cho rằng đây là tài sản riêng của chị mua của chị ruột trong thời gian ly thân.

[4] Trong quá trình Tòa án phúc thẩm thụ lý vụ án theo thủ tục phúc thẩm thì Tòa án cấp phúc thẩm có nhận được đơn yêu cầu trả nợ và giấy thỏa thuận trả tiền xuất phát từ việc mua bán căn nhà số E, tờ bản đồ số 25 diện tích 95,4m², tài sản này hiện các bên đang tranh chấp. Theo nội dung “*Tờ thỏa thuận về việc trả tiền*” thì thể hiện chị chị Thúy H nhận chuyển nhượng phần nhà đất tại thửa

đất số 51, tờ bản đồ số 25, diện tích 95,4m² với giá thỏa thuận 1.580.000.000đồng, hiện tại còn nợ lại chị Lê Thị Thanh T1, anh Đặng Văn H1 số tiền 1.000.000.000đồng chưa thanh toán. Xét thấy, đây là tình tiết mới phát sinh, chưa được cấp sơ thẩm xem xét giải quyết. Tòa án phúc thẩm không thể khắc phục được. Trường hợp này cần phải thu thập chứng cứ làm rõ nguồn gốc hình thành tài sản hiện các bên đang tranh chấp, công sức đóng góp của các bên trong việc hình thành tài sản là căn nhà số E, tờ bản đồ số 25, diện tích đất 95,4m², đồng thời làm rõ số nợ trong việc chuyển nhượng nhà đất mà các bên đang tranh chấp. Cho nên cần phải đưa chị Lê Thị Thanh T1 cùng chồng Đặng Văn H1 vào tham gia tố tụng thì mới giải quyết toàn diện vụ án và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự. Tòa án phúc thẩm không thể khắc phục được, nên hủy toàn bộ án sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Do hủy bản án sơ thẩm nên chưa xem xét đến kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[7] Về án phí: Do hủy án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định. Án phí sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại ở giai đoạn sơ thẩm. Qua xem xét bản án sơ thẩm đã buộc anh Đ phải chịu 6.469.202 đồng án phí dân sự (Đối với phần yêu cầu không được chấp nhận) là không đúng theo hướng dẫn tại điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội đã quy định “...*Đối với phần Tòa án bác đơn yêu cầu thì người yêu cầu chia tài sản chung, di sản thừa kế không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm..*”. Do đó, khi giải quyết lại vụ án sơ thẩm thì Tòa án sơ thẩm cần xác định án phí chia tài sản đúng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của U Thường Vụ Quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Hủy toàn bộ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 269/2024/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã xét

xử vụ án “*Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn*” giữa nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Đ và bị đơn là chị Lê Thị Thúy H

2. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí phúc thẩm: H2 lại chị Lê Thị Thúy H số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0015986 ngày 16/10/2024 và anh Nguyễn Văn Đ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0015800 ngày 03/10/2024. Cả hai biên lai của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Tuyên án công khai lúc 08 giờ 00 phút. ngày 19/02/2025.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thái D – Trương Thị Tuyết Linh

Trần Văn Đ1